

KHU HỌC CHÁNH GARDEN GROVE
Văn phòng Giáo Dục Bậc Tiểu Học
Khối Giáo Vụ Mẫu Giáo-Lớp 6

Sổ Hướng Dẫn Phụ Huynh về
Tiêu Chuẩn Liên Tiểu Bang

KHU HỌC CHÁNH GARDEN GROVE



Lớp Một



ĐÔI LỜI CÙNG PHỤ HUYNH:

Trong nỗ lực tiếp tục cải tiến việc giảng dạy cũng như việc học tập của học sinh trong toàn học khu, tầm quan trọng của gia đình và cha mẹ học sinh luôn được đặt lên hàng đầu. Chúng tôi soạn Sổ Hướng Dẫn này để giúp quý vị nắm vững về Tiêu Chuẩn Liên Tiểu Bang với những kỳ vọng rất cao dành cho học sinh và nhân viên nhà trường. Sổ Hướng Dẫn sẽ giúp quý vị hiểu được những điều học sinh cần thực hiện trong nhiều lãnh vực học tập. Muốn biết thêm chi tiết, phụ huynh có thể vào trang mạng dưới đây:

www.cde.ca.gov

**Khu Học Chánh Garden Grove
10331 Stanford Avenue
Garden Grove, CA 92840
www.ggusd.us**

3 Ý Chính để Phụ Huynh nắm vững về Tiêu Chuẩn Liên Tiểu Bang

Suy Nghĩ Thật Kỹ

Tiêu Chuẩn Liên Tiểu Bang nhấn mạnh đến việc suy nghĩ chín chắn. Điểm này đòi hỏi học sinh phải phân tích nhiều, thảo luận nhiều, lượng định nhiều, biện luận và giải thích về những điều suy nghĩ và hiểu rõ sự việc thật sâu sắc, đặc biệt trong lãnh vực viết luận.

**Suy nghĩ sâu về nội dung thật đã là khó – Hiển nhiên là khó nên cần phải giúp con em nói ra được những gì nội dung hàm chứa.*

Kết Hợp Học Tập

Tiêu Chuẩn Liên Tiểu Bang nhấn mạnh việc kết hợp nội dung các môn học với nhau (đọc, toán và nghiên cứu xã hội được phối hợp thành một việc). Học sinh sẽ phải dành thêm nhiều thời gian để cùng nhau học tập trong nhiều môi trường, tổ chức và phương tiện khác nhau.

**Các em cần thấy rõ vấn đề và cách giải quyết hiển hiện ngay trong cuộc sống thực tế.*

Cho Thấy “Làm Sao Biết Được”

Tiêu Chuẩn Liên Tiểu Bang nhấn mạnh đến bằng chứng và chứng cứ. Học sinh sẽ nắm vững các nguyên tắc tiến hành, nên những ngày chỉ biết làm xong bài để nộp đã qua. Nay các em có cơ hội để phối hợp làm việc và giải thích những gì mình suy nghĩ.

**Bài thi mới đòi hỏi học sinh phải giải thích cách tìm ra đáp số ... “nghĩa là làm sao biết được kết quả đó.”*



Ngữ Văn

Tiêu Chuẩn Môn Đọc về Văn Chương

Ý chính và chi tiết

1. Hỏi và trả lời những câu hỏi về chi tiết chính trong bài.
2. Kể lại câu chuyện, có nhắc lại các chi tiết chính và cho thấy mình đã nắm vững bài đọc hay cốt truyện.
3. Mô tả nhân vật, bối cảnh, và sự kiện chính trong truyện bằng các chi tiết chính

Mô hình và kết cấu

4. Nắm vững từ và ngữ trong truyện hay bài thơ gây nên sự xúc động hoặc gợi cảm. (Xem thêm tiêu chuẩn 4-6 môn Ngữ Văn lớp 1 để biết thêm những yêu cầu khác.)
5. Giải thích sự khác biệt chính giữa hai loại: sách truyện và sách thường thức, qua việc đọc nhiều thể văn ở phạm vi rộng.
6. Nắm vững nhân vật đang thuật truyện tại nhiều thời điểm khác nhau trong toàn quyển.

Kết hợp kiến thức và ý tưởng

7. Dùng các hình ảnh minh họa và chi tiết trong truyện để mô tả nhân vật, bối cảnh và sự kiện.
8. (Không áp dụng vào văn chương)
9. So và sánh những cuộc phiêu lưu và kinh nghiệm của các nhân vật trong truyện.

Phạm vi môn đọc và mức độ phức tạp của bài đọc

10. Bằng những gợi ý và giúp đỡ, đọc văn xuôi và văn vần phù hợp với trình độ lớp 1.
 - Dùng kiến thức sẵn có để liên tưởng đến các chi tiết và sự kiện nêu trong bài.
 - Tiên đoán về sự việc sẽ xảy ra.

Tiêu Chuẩn Môn Đọc Cho Bài Thường Thức

Ý chính và chi tiết

1. Hỏi và trả lời những câu hỏi về các chi tiết chính trong bài.
2. Nắm vững ý chính và thuật lại các chi tiết của bài đọc.
3. Nêu lên mối tương quan giữa hai cá nhân, sự kiện, ý tưởng hay chi tiết trong bài.

Mô hình và kết cấu

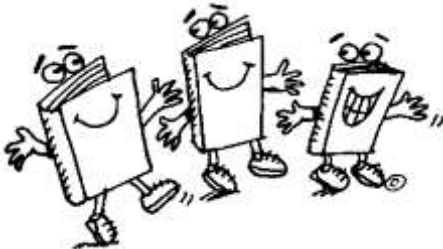
4. Hỏi và trả lời các câu hỏi để giúp xác định hay làm rõ ý nghĩa của từ, ngữ trong bài. (Xem thêm tiêu chuẩn 4-6 của lớp 1 để biết thêm những yêu cầu khác.)
5. Biết và sử dụng cấu trúc câu (như: trình tự câu văn) và công dụng mỗi cách trình bày (như đề bài, mục lục, từ mục, giản mục điện tử, biểu trưng) để tìm ra dữ kiện hay chi tiết chính trong bài.
6. Phân biệt điểm khác biệt giữa các chi tiết minh họa bằng hình ảnh với những chi tiết diễn tả bằng từ ngữ có trong bài.

Kết hợp kiến thức và ý tưởng

7. Dùng các hình minh họa và chi tiết trong bài để mô tả ý chính.
8. Nắm vững lý do tác giả dùng để minh chứng cho những điều đã đưa ra trong bài.
9. Nắm vững những điểm giống và khác nhau giữa hai bài có cùng đề tài (như: hình minh họa, cách mô tả, hay diễn biến của sự kiện).

Phạm vi môn đọc và mức độ phức tạp của bài đọc

10. Bằng những gợi ý và giúp đỡ, đọc các bài thường thức có mức độ phù hợp với trình độ lớp 1.
 - Dùng kiến thức sẵn có để liên tưởng đến các chi tiết và sự kiện nêu trong bài.
 - Tiên đoán về sự kiện sẽ xảy ra.



Tiêu Chuẩn Môn Đọc: Kỹ Năng Căn Bản

Khái niệm về chữ viết

1. Thông hiểu cách trình bày và cách viết chữ căn bản.
 - Nhận biết và phân biệt được những yếu tố của một câu (như chữ đầu câu, cách viết hoa, và dấu dứt câu).

Thông hiểu phần ngữ âm

2. Học sinh nắm được lời nói, vần và âm (âm vị) người khác nói.
 - Biết phân biệt âm ngắn và âm dài trong các chữ đơn vần.
 - Phát âm những chữ một vần bằng cách ráp các âm vị với nhau, gồm cả âm phụ.
 - Tách và đọc âm đầu, âm chính ở giữa và âm cuối của chữ một vần.
 - Phân tách chữ một vần thành các âm vị riêng rẽ liền nhau theo thứ tự xuất hiện của mỗi âm (âm vị).

Phân biệt âm và tự

3. Hiểu rõ và áp dụng kỹ năng phân tích âm và tự theo trình độ cấp lớp để biết đọc chữ đứng một mình hay trong câu.
 - Biết được âm tương đương của các nhị hợp tự tương ứng thường dùng.
 - Biết đánh vần từ một vần thường dùng.
 - Biết mẫu tự cuối -e và các nhóm mẫu tự chính dùng để tạo âm chính dài.
 - Biết căn bản một vần đều phải có một âm chính để từ đó biết số vần trong một chữ.
 - Biết đánh vần chữ hai vần dựa theo mô thức căn bản bằng cách phân tích từng vần một.
 - Đọc các chữ với phần biến thể ở cuối mỗi chữ một cách rõ ràng.
 - Biết và đọc các chữ có cách viết không theo quy tắc theo trình độ cấp lớp.

Trôi chảy

4. Đọc đúng và trôi chảy để dễ dàng hiểu bài.
 - Đọc bài theo trình độ với chủ đích và hiểu rõ bài đọc.
 - Đọc bài theo trình độ một cách chính xác, với tốc độ vừa phải và diễn cảm theo diễn tiến của bài đọc.
 - Dựa theo nội dung để xác định hoặc nhận ra các mặt chữ phù hợp để hiểu bài, nếu cần, phải đọc lại.



Tiêu Chuẩn Về Viết

Các thể loại bài và mục đích

1. Viết để bày tỏ ý kiến về đề tài hay quyển sách nào đó; nêu ý kiến (kèm theo lý giải) và đưa ra kết luận hợp lý.
2. Viết bài tường thuật hay giải thích chủ đề, kèm theo dữ kiện liên quan và đưa ra kết luận hữu lý.
3. Viết truyện ký trong đó nêu hai hay nhiều sự việc liên quan với nhiều chi tiết về những việc xảy ra, dùng chữ chỉ thời gian để minh họa diễn tiến sự kiện và sau đó đi đến kết thúc hợp lý.

Thực hiện và hoàn thành bài viết

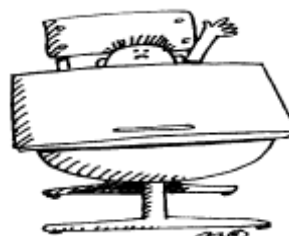
4. (Bắt đầu áp dụng cho lớp 2)
5. Dưới sự hướng dẫn của người lớn, học sinh cần tập trung vào chủ đề, trả lời các câu hỏi và gợi ý hay đề nghị của bạn trong lớp, thêm chi tiết để bài viết được hay và sống động, nếu cần.
6. Dưới sự hướng dẫn của người lớn, sử dụng các phương tiện điện tử để thực hiện và hoàn tất bài viết; nếu cần, có thể phối hợp với bạn để viết.

Nghiên cứu để thu thập và thể hiện sự hiểu biết

7. Góp phần vào các tiểu án nghiên cứu và viết văn (như: tham khảo một số sách hướng dẫn “làm cách nào” viết về đề tài đã cho và dùng các sách này để viết bản hướng dẫn thực hiện).
8. Dưới sự hướng dẫn của người lớn, ghi lại các chi tiết về những kinh nghiệm sẵn có hoặc thu thập các dữ kiện từ các nguồn đã cho để trả lời câu hỏi.
9. (Bắt đầu áp dụng cho lớp 4)

Phạm vi môn viết

10. (Bắt đầu áp dụng cho lớp 2)



Tiêu chuẩn về Nói và Nghe

Hiểu và kết hợp

1. Tham gia vào các cuộc thảo luận với nhiều bạn cùng lớp hoặc với người lớn về các đề tài phù hợp với lớp 1 theo từng nhóm lớn, nhỏ khác nhau.
 - Theo những quy ước tự giao hẹn với nhau trong cuộc thảo luận (như chăm chú nghe bạn nói, chờ đến phiên sẽ trình bày đề tài hay bài đang được đưa ra thảo luận.)
 - Dựa trên lời nói của người khác trong các cuộc đối thoại để đáp lại những bình luận của bạn qua những lần trao đổi.
 - Đặt câu hỏi để làm rõ các điều còn thắc mắc về đề tài hoặc bài đang thảo luận.
2. Lắng nghe người đọc hay các phương tiện khác để hỏi và trả lời các điểm liên quan đến các chi tiết chính hay dữ kiện của bài.
 - Đưa ra, lặp lại và làm theo các lời yêu cầu làm 2 việc (two-steps directions).
3. Hỏi và trả lời các câu hỏi liên quan đến những gì người nói đưa ra để có thêm chi tiết hoặc làm sáng tỏ điều gì chưa hiểu rõ.

Thể hiện sự hiểu biết và ý tưởng

4. Tả người, nơi chốn, vật dụng, hay sự việc bằng nhiều chi tiết, diễn tả ý tưởng hay cảm nghĩ một cách rõ ràng.
 - Học thuộc và ngâm các bài thơ, câu có vần điệu hay bài hát kèm theo sự diễn đạt.
5. Thêm hình vẽ hoặc các hình thức trình bày khác để mô tả khi cần thiết nhằm làm rõ ý tưởng, ý nghĩ, hay cảm xúc.
6. Viết câu trọn vẹn khi cần phải trình bày công việc hay bối cảnh. (Xem tiêu chuẩn 1 và 3 về Ngôn ngữ dành cho lớp 1 để biết thêm chi tiết cụ thể.)

Tiêu chuẩn về Ngôn ngữ

Quy ước về Anh ngữ tiêu chuẩn

1. Nắm vững các quy ước Anh ngữ căn bản về ngữ pháp và cách áp dụng vào văn viết hay văn nói.
 - Biết viết chữ hoa và chữ thường.
 - Biết dùng các danh từ thông thường, danh từ riêng và danh từ sở hữu.
 - Biết dùng danh từ số ít và số nhiều hợp với động từ trong các câu căn bản (*He hops* 'Nó nhảy cóc'; *We hop* 'chúng ta nhảy cóc').
 - Biết dùng đại từ chỉ người (làm chủ từ, túc từ), sở hữu, và đại từ bất định (như *I, me, my; they, them, their, anyone, everything*).
 - Biết dùng đúng thì của động từ để chỉ sự việc trong quá khứ, hiện tại và tương lai (như *Yesterday I walked home* 'Hôm qua tôi đã đi bộ về nhà'; *Today I walk home* 'Hôm nay tôi đi bộ về nhà'; *Tomorrow I will walk home* 'Ngày mai tôi sẽ đi bộ về nhà').
 - Biết dùng những tính từ thông dụng.
 - Biết dùng những liên từ thường thấy (như: *and* 'và', *but* 'nhưng', *or* 'hoặc', *so* 'cho nên', *because* 'bởi vì').
 - Biết dùng chỉ định từ (như mạo từ, xác định từ).
 - Biết dùng các giới từ thông thường (như *during* 'trong khi' *beyond* 'bên kia', *toward* 'tới').
 - Biết viết và mở rộng các câu đơn giản và các câu ghép thể khẳng định, nghi vấn, mệnh lệnh, tán thán cho phù hợp với những gợi ý.
2. Nắm vững các quy ước Anh ngữ căn bản về cách viết hoa, cách chấm câu và viết đúng chính tả khi viết văn.
 - Biết viết hoa ngày tháng và tên người.
 - Dùng đúng dấu ở phần cuối câu.
 - Biết dùng dấu phẩy/phết khi ghi ngày tháng hoặc tách các chữ cùng từ loại trong câu.
 - Biết đánh vần các chữ có dạng vần thông thường và các từ bất quy tắc thường gặp.
 - Đánh vần chữ mới theo nguyên tắc phát âm, dựa trên sự hiểu biết về phát âm và quy ước đánh vần.

Kiến thức về Ngôn ngữ

3. (Bắt đầu áp dụng cho lớp 2)



Tiêu chuẩn về Ngôn ngữ (tiếp theo)

Học và áp dụng từ vựng

4. Xác định và làm rõ nghĩa các từ và các ngữ chưa biết nghĩa hoặc có nhiều nghĩa cho trình độ lớp 1 về môn đọc và hiểu nội dung; chọn uyển chuyển bằng nhiều phương pháp khác nhau.
 - Biết dùng nội dung câu để suy ra nghĩa của từ hay ngữ mới.
 - Biết dùng các tiếp tố thường thấy để suy ra nghĩa của một chữ.
 - Nhận ra gốc của các chữ thường dùng và các hình thức biến cách của các chữ đó (như *looks, looked, looking*).
5. Dưới sự hướng dẫn của người lớn, học sinh hiểu được các mối liên quan của từ và những nghĩa tinh tế của cùng một chữ.
 - Xếp các từ theo thể loại (như màu sắc, áo quần) để có khái niệm về thể loại.
 - Định nghĩa chữ theo loại và một hay nhiều thuộc tính của loại đó (như *duck* 'con vịt' là loài chim biết bơi/lội; *tiger* 'con cọp' là loài mèo lớn bộ lông có vằn).
 - Nhận ra mối tương quan giữa chữ và cách dùng chữ trong cuộc sống thực tế (như: nơi nào trong nhà có không khí *ám cúng*).
 - Phân biệt được những nghĩa tinh tế khác nhau của các động từ chỉ thái độ (như *look* 'nhìn', *peek* 'dòm', *glance* 'liếc', *stare* 'trừng', *glare* 'trợn', *scowl* 'nhu mắt') và những tính từ nói lên độ lớn (như *large* 'lớn', *gigantic* 'khổng lồ') bằng cách định nghĩa hoặc chọn hay biểu lộ hành vi để diễn tả các nghĩa của chúng.
6. Dùng từ và ngữ rút ra từ các mẫu đối thoại, bài đọc hoặc nghe người khác đọc và trả lời bài đọc, gồm cả việc dùng các liên từ thông dụng để nói lên mối liên quan này (như câu *I named my hamster Nibbles because she nibbles too much because she likes that* 'Tôi đặt tên con chuột bọ (chuột má túi) của tôi là Con Mum vì nó khoái mum lắm').



Môn Toán

Giải Toán Và Khái Niệm Đại Số

Minh họa và giải các phép toán cộng và trừ

1. Biết làm toán cộng và trừ trong vòng 20 và làm toán đó liên quan đến việc thêm vào hay lấy bớt ra, gộp chung lại hoặc tách ra từng phần, so sánh, để tìm ra những số chưa biết ở mọi vị trí; chẳng hạn như dùng dụng cụ, hình vẽ, phương trình mang một ký hiệu thay cho số chưa biết để giải bài toán.
2. Giải toán đó trong đó cần phải dùng phép cộng với ba con số với tổng số không quá 20 bằng cách dùng dụng cụ, hình vẽ và phương trình có ký hiệu chỉ một số chưa biết để giải bài toán và tìm ra đáp số.

Hiểu và áp dụng các tính chất của các phép tính và mối liên quan giữa cộng và trừ.

3. Áp dụng các tính chất của các phép tính như là phương thức để cộng và trừ. *Thí dụ: Nếu $8 + 3 = 11$ như đã biết, thì $3 + 8$ cũng bằng 11. (Đây gọi là tính chất giao hoán.) Muốn $2 + 6 + 4$ với nhau, thì số thứ hai có thể được cộng thêm để thành 10, từ đó sẽ có $2 + 6 + 4 = 2 + 10 = 12$. (Tính chất phối hợp của phép cộng).*
4. Hiểu về phép trừ dưới hình thức bài toán với một ẩn số cộng. *Thí dụ, lấy $10 - 8$ bằng cách tìm số nào tạo thành 10 khi cộng đến 8.*

Cộng và trừ trong khoảng 20.

5. Kết nối việc đếm số với phép cộng và phép trừ (như có thể đếm cách 2 để trừ 2).
6. Cộng và trừ trong khoảng 20, làm thành thực các bài toán cộng, trừ trong khoảng 10. Dùng phép đếm cách số như kiểu toán chạy để tính ra, (như $8 + 6 = 8 + 2 + 4 = 10 + 4 = 14$); tách một số tạo thành 10 (như $13 - 4 = 13 - 3 - 1 = 10 - 1 = 9$); áp dụng các mối liên quan giữa phép cộng và trừ (như $8 + 4 = 12$, thì $12 - 8 = 4$); và thực hiện một phép tính khác để hơn mà vẫn tạo ra kết quả tương đương (như $6 + 7 = 6 + 6 + 1 = 12 + 1 = 13$).

Giải phương trình bằng phép cộng và trừ.

7. Hiểu ý nghĩa của ký hiệu tương đương và nắm vững khái niệm tương đương qua cách dùng phép cộng và trừ để biết phương trình đúng hay sai. *Thí dụ: cho biết các phương trình sau đây là đúng hay sai? $6 = 6$, $7 = 8 - 1$, $5 + 2 = 2 + 5$, $4 + 1 = 5 + 2$.*
 - Viết và giải bài toán có chữ và số lẫn lộn để tìm mối tương quan giữa phép cộng và trừ trong vòng giới hạn 20.
8. Xác định con số chưa biết trong phương trình dùng phép cộng hay phép trừ có 3 con số. *Thí dụ, hãy tìm con số chưa biết trong các phương trình: $8 + ? = 11$, $5 = _ - 3$, $6 + 6 = _$.*



Số và Các Phép Tính Thập Phân

Mở rộng số đếm

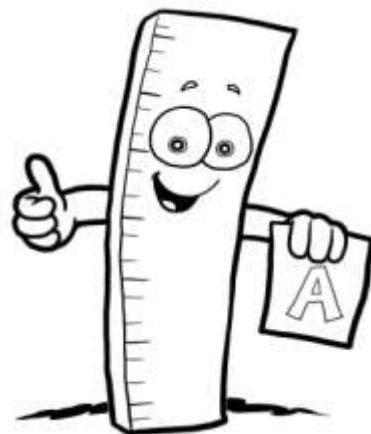
1. Đếm đến 120, bắt đầu từ bất cứ số nào nhỏ hơn 120. Trong phạm vi này, đọc và viết các số được tượng trưng qua số lượng món đồ viết con số bằng chữ.

Hiểu trị số các hàng số.

2. Hiểu rõ hai hàng số với hai con số tượng trưng cho hàng chục và hàng đơn vị. Theo đó hiểu được các trường hợp đặc biệt như sau:
 - 10 được hiểu là một chùm những số một — được gọi là "mười."
 - Các số từ 11 đến 19 được tạo thành bằng 10 cộng với một, hai, ba, bốn, năm sáu, bảy, tám hay chín.
 - Các số như 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90 là kết hợp của các số một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín ở hàng chục (và con số 0).
3. So sánh những con số có hai hàng số theo nghĩa của số hàng chục và số hàng đơn vị và ghi ra kết quả so sánh bằng các ký hiệu $>$ (lớn hơn), $=$ (bằng), $<$ (nhỏ hơn).

Áp dụng sự hiểu biết về trị số của hàng số và tính chất các phép tính để cộng và trừ.

4. Cộng trong khoảng 100; làm toán cộng một số hàng chục với một số hàng đơn vị, cộng thêm một số hàng chục xong nhân cho 10, dùng các vật dụng cụ thể hoặc hình vẽ và phương cách dựa trên vị trí trong hàng số, tính chất các phép tính, hoặc mối tương quan giữa cộng và trừ; ghi cách giải này thành phương pháp giải và cho biết lý do. Hiểu rõ khi cộng một số hàng chục, cộng hàng chục với hàng chục, hàng đơn vị với hàng đơn vị, nếu cần, phải hiểu cách cộng thêm 1 vào số hàng chục (tức giữ 10).
5. Cho một số có hai hàng số, tính nhằm ra một số lớn hơn số 10 hoặc nhỏ hơn số 10 chứ không được đếm; giải thích cách tính ấy ra sao.
6. Trừ nhiều lần với 10 trong khoảng từ 10 đến 90 với các số cũng trong khoảng 10 – 90 (để có hiệu số lớn hơn 1 hoặc bằng 0), dùng các vật cụ thể hay hình vẽ và cách giải dựa trên trị số trong hàng số, tính chất các phép tính, và mối liên quan giữa cộng và trừ; ghi cách giải này thành phương pháp giải và giải thích lý do.



Đo Lường và Dữ Liệu

Đo gián tiếp chiều dài một vật bằng cách dùng một đơn vị gốc để đo đi đo lại.

1. Sắp ba vật có chiều dài khác nhau; so sánh chiều dài của hai vật bằng cách dùng vật thứ ba làm đơn vị.
2. Lấy chiều dài của một vật làm đơn vị để đo một vật khác dài hơn và xem chiều dài của vật này bằng mấy lần chiều dài của vật kia; hiểu rõ việc đo chiều dài của một vật là tổng số đo của nhiều đơn vị liên nhau liên tiếp, không có khoảng hở hay gối lên nhau. *Ý niệm về đo đạc chiều dài chỉ được giới hạn ở mức chiều dài đo được là tổng số lần của một đơn vị đo liên tiếp nhau, không có khoảng hở hay gối lên nhau.*

Học nói và viết về giờ giấc.

3. Biết nói giờ và viết con số chỉ giờ, nửa giờ đọc trên đồng hồ mặt số hay đồng hồ hiện giờ.
 - Áp dụng giờ giấc vào các sự việc (như trước/sau, sớm hơn/trễ hơn).

Phác họa và giải thích.

4. Sắp xếp, phác họa và giải thích các số liệu liên quan đến ba loại; hỏi và trả lời các câu hỏi liên quan đến số lần quan sát, có bao nhiêu mục trong mỗi loại, trong mỗi loại có bao nhiêu mục nhiều hơn hay ít hơn so với loại khác.
 - Mô tả, mở rộng, giải thích các cách để dẫn đến yếu tố tiếp theo bằng các dạng thức đơn giản tương tự (như nhịp độ, số hiệu, màu sắc, hình dáng).

Hình học

Lập luận về hình thể và các thuộc tính.

1. Phân biệt các thuộc tính định danh (như hình tam giác thì khép kín và có ba cạnh) với các thuộc tính không định danh (như màu sắc, hướng, kích thước chung); làm hay vẽ các hình thể dựa trên thuộc tính định danh.
2. Vẽ hình trên mặt phẳng (chữ nhật, hình vuông, hình thang, tam giác, nửa vòng tròn, một phần tư vòng tròn) hoặc theo hình học không gian (hình khối, lăng kính chữ nhật, hình chóp cân, hình trụ) để tạo một hình tổng hợp, tạo ra các hình mới từ hình tổng hợp này.
3. Chia hình tròn hay hình chữ nhật ra thành hai hay bốn phần bằng nhau, mô tả mỗi phần với các từ như *halves* 'mỗi một nửa', *fourths* 'mỗi góc tư' và *quarters* 'mỗi một phần tư' và áp dụng các từ-ngữ *half of* 'một nửa của', *fourth of* 'một góc tư của' và *quarter of* 'một phần tư của'. Diễn tả hình đã được chia làm hai hoặc bốn phần bằng nhau. Hiểu được những thí dụ này cho thấy rằng càng chia ra nhiều phần bằng nhau thì phần chia sẽ trở nên càng nhỏ.

math